|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **XÃ TRÀ TÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHŨ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**  *Trà Tân, ngày tháng 12 năm 2023* |

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí, chỉ tiêu** | **Nội dung** | **Điểm số tối đa** | **Căn cứ chấm điểm** | | **Điểm số tự chấm** | **Chữ ký của công chức phụ trách** | **Tài liệu minh chứng** |
| Số liệu thực hiện (1) | Tỷ lệ đạt được (2) |
| **Tiêu chí 1** | **Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn** | **10** |  |  | 10 |  |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao** *(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)* | **3** |  | 100% | 3 |  | 1. Kế hoạch số 08/KH- UBND ngày 16/01/2023 về kiểm tra, rà soát, hệ thống há văn bản QPPL.  2. Hồ Sơ rà soát gồm: quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về thành lập tổ rà soát; kế hoạch số 93/KH- UBND ngày 30/10/2023 của tổ về triển khai rà soát VBQPPL; mẫu danh mục rà soát, mẫu phiếu rà soát; Báo cáo số 255/BC- UBND ngày 07/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra, xử lý; rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023.  2) Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 Trà Tân ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Trà Tân. |
|  | 1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá | 1 |  |  |  |  | "\* Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 16/02/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022;  Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 dối thoại với tổ chức cá nhân về cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính.  \* Quyết định số: 297/KH-UBND ngày 30/12/2022 và ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023;  1) Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 KSTTHC và triển khai cơ chế một cửa , một cửa liên thông 9 tháng đầu năm 2023; BC số 320/BC-UBND ngày tháng 13/12/2023 về KSTTHC năm 2023  2) BC số 248/BC-UBND ngày 04/11/2023 về CCHC năm 2023  3)BC số 238/BC-UBND Trà Tân ngày 27 tháng 10 năm 2023. Về kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC của bộ phận một cửa UBND xã Trà Tân năm 2023.  4) Báo cáo số 255/BC- UBND ngày 07/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra, xử lý; rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 (kèm theo hồ sơ trình tự, thủ tục rà soát).  5) BC số 183/BC-UBND ngày 11/11/2022 về kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2022.  >> Trong năm Không có văn bản ban hành trái thẩm quyền và tham mưu ban hành văn bản trái thẩm quyền. " |
| a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật | 1 |  |  |  |  | 1. Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 Trà Tân ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Trà Tân  3) Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 về phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức UBND xã Trà Tân. Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về phân công nhiệm vụ cho người hoạt động không chuyên trách thuộc UBND xã Trà Tân năm 2023.  3) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2023;  4) Hồ sơ xin chuyển đổi vị trí công tác đối với Công chức xã: Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 16/06/2023 về đề nghị chuyển vị trí công tác từ công chức từ công chức địa chính xây dựng sang công cức Tư pháp hộ tịch xã; Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 về việc chuyển đổi chức danh công chức cấp xã đối với ông lê Đình A từ công chức Địa chính xây dựng xã sang Tư pháp Hộ Tịch xã." |
| b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên | 0 |  |  |  |  |
| 2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá | 2 |  |  |  |  |  |
| a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 2** | **Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân** (sau đây gọi chung là văn bản hành chính)  *Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100* | **7** |  |  | 7 |  | 2) . Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 Trà Tân ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Trà Tân;. |
|  | a) Đạt 100% | 7 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 95% đến dưới 100% | 6 |  |  |  |  |
| c) Từ 90% đến dưới 95% | 5 |  |  |  |  |
| d) Từ 85% đến dưới 90% | 4 |  |  |  |  |
| đ) Từ 80% đến dưới 85% | 3 |  |  |  |  |
| e) Dưới 75% đến dười 80 | 2 |  |  |  |  |
| g) Từ 70% đến dưới 75% | 1 |  |  |  |  |
| h) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| **i**)Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 2** | **Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật** | 30 |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** | 6 |  |  |  |  |  |
|  | 1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật | 1 |  |  |  |  | Báo cáo số 260 ngày 14/11/2023 về thực hiện luật tiếp cận thông tin năm 2023.  2) BC số 238/BC-UBND ngày 27/10/2023 về kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.  2) Thư xin lỗi số 14/TXL-UBND ngày 23/03/2023 xin lỗi hồ sơ giải quyết quá hạn của ông Hồ Văn Ôn. Thư xin lỗi số 92a/TXL-UBND ngày 20/10/2023 xin lỗi hồ sơ giải quyết quá hạn của bà Võ Thị thuý Ngân (các Thư xin lỗi đều được đăng trên Trang TTĐT xã tại đường Link: https://xatratan.quangngai.gov.vn/web/xa-tra-tan/thong-bao1" |
| a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật | 0,5 |  |  |  |  | TTĐT xã tại đường Link: https://xatratan.quangngai.gov.vn |
| b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác | 0,5 |  |  |  |  |
| 2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| 3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 2 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |
| d) Từ 70 đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| 4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 2** | **Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin**  *(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)* | 5 |  |  | 5 |  |  |
|  | 1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| 2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* |  |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% |  |  |  |  |  |
| 3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật  *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 3** | **Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật** | **8** |  |  | 8 |  |  |
|  | 1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 2 |  |  | 2 |  | Ban hành kế hoạch số 12/KH-UBND của Uỷ Ban nhân xã Trả Tân Ngày 18 tháng 01/năm 2023 về việc triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn xã Trà tân |
| a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 2 |  |  | 2 |  |  |
| b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 1 |  |  |  |  |
| c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 0 |  |  |  |  |
| 2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):  *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100* | 4 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 4 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| 3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên  *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100*  *(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)* | 2 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 4** | **Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở** | **5** |  |  | 5 |  |  |
|  | a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên | 5 |  |  | 5 |  | Mô hình “ Cổng Trường an toàn’ tại địa bàn xã Trà tân.  Kế hoạch số 62/KH-BCĐ của uỷ ban nhân dân xã Trà tân ngày 23 tháng 05 năm 2023 về thành lập mô hình “ cổng trường an toàn”  Quyết định số 101/QĐ-BCĐ ngày 23/05/2023 về việc thành lập mô hình “Cổng trường an toàn.”  Mô hình “Hộ an toàn- thôn bình yên xã đạt tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nôn thôn mới’ trên địa bàn xã Trà Tân.  Quyết định số 142 ngày 14/7/2023 về xây dựng mô hình“Hộ an toàn- thôn bình yên xã đạt tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nôn thôn mới’ trên địa bàn xã Trà Tân |
| b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả | 3 |  |  |  |  |
| c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 5** | **Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật**  *Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100* | **3** |  |  | 3 |  | Giấy mời tập huấn của cấp trên |
|  | a) Đạt 100% | 3 |  |  | 3 |  |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 2 |  |  |  |  |
|  | c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 6** | **Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật** | **3** |  |  | 3 |  | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 phân bổ dự toán thu- chi xã Trà Tân năm 2023.   1. Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 14/08/2023 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Theo đó, UBND xã khoán kinh phí đối với công chức TC-KT xã với mức khoán 200.000đ/tháng sách đầu năm   2. Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND quảng ngãi ngày 19/08/2014. |
|  | a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 3 |  |  | 3 |  |  |
|  | b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 2 |  |  |  |  |
|  | c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 1 |  |  |  |  |
|  | d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0 |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 3** | **Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý** | **15** |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở** (sau cđây gọi chung là vụ, việc hòa giải)  *(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)* | **7** |  |  | 7 |  | - Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 24/10/2023 về Công tác hoà giải ở cơ sở năm 2023  - Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND xã về kiện toàn Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Trà Tân  - Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về việc kiện toàn Tổ hòa giải g hợ các thôn: Trường Giang, Trường Biện, Trà Ngon, Trà Ót.  - Quyết định số 20/QĐ-MTTQ-BTT ngày 15/02/2023 của UB MTTQVN xã về việc kiện toàn Ban thanh tra nhân dân xã Trà Tân năm 2023 . |
|  | 1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở  *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100* | 3,5 |  |  |  |  | " |
|  | a) Đạt 100% | 3,5 |  |  |  |  |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 2,5 |  |  |  |  |
|  | c) Từ 80% đến dưới 90% | 1,5 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
|  | 2. Các vụ, việc hòa giải thành  *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100* | 3,5 |  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 3,5 |  |  |  |  |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 2,5 |  |  |  |  |
|  | c) Từ 80% đến dưới 90% | 1,5 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 2** | **Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở** | **4** |  |  | 4 |  | Quyết định phân bổ ngân sách đầu năm |
|  | 1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định | 1 |  |  | 1 |  | 1. Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 phân bổ dự toán thu- chi xã Trà Tân năm 2023.  2. Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND quảng ngãi ngày 19/08/2014. |
|  | 2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền  *Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 1,5 |  |  | 1 |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
|  | c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
|  | 3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền  *Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100* | 1,5 |  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |  |  |  |
|  | c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 3** | **Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý**  *Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100*  *(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)* | **4** |  |  |  | 4 | rong năm trên địa bàn xã không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 4** | **Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** | **20** |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương** | **3** |  |  | 3 |  | Văn phòng Đảng ủy |
|  | 1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân | 2 |  |  | 2 |  | Kế hoạch số 69-KH/ĐU |
| a) Có tổ chức hội nghị | 2 |  |  | 2 |  |
| b) Không tổ chức hội nghị | 0 |  |  |  |  |
| 2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật | 1 |  |  |  |  |
| a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức | 1 |  |  |  |  |
| b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 2** | **Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn**  *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100* | **4** |  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |  |  |  |  |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 3** |  | **4** |  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 4** | **Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn**  *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100* | **4** |  |  |  |  | CV số 196/UBND xã ngày 15/08/ 2023 về việc tham gia góp ý dự thảo Quy chế dân chủ cơ sở; QĐ số 20/QĐ-MTTQ-BTT ngày 15/02/2023, |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |  |  |  |  |
|  | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |  |  |  |  |
|  | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 5** | **Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** | **5** |  |  |  |  | - Kế hoạch số: 152/KH-MTTQ-BTT ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc thực hiện giám sát xây dựng công trình Đường bê tông xi măng đoạn đường từ nhà ông Rếp đi nghĩa Trang nhân dân thôn Trường Giang năm 2023. |
|  | 1. Các nội dung để Nhân dân giám sát | 4 |  |  |  |  |  |
|  | a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên | 4 |  |  |  |  |
|  | b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung | 3 |  |  |  |  |
|  | c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung | 2 |  |  |  |  |
|  | d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung | 1 |  |  | 1 |  |
|  | đ) Không tổ chức giám sát | 0 |  |  |  |  |
|  | 2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng | 1 |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 5** | **Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội** | **25** |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo** | **7** |  |  |  |  | 1) Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/06/2023 về ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông xã Trà Tân.  2. QĐ số: 268/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về ban hành nội quy tiếp công dân tại trụ sở UBND xã Trà Tân, QĐ số 295/QĐ-UBND xã Trà Tân ngày 30/12/2022 về viẹc phân công nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh trên địa bàn xã trà tân năm 2023  3. Báo cáo số: 244/BC-UBND ngày 02/11/2023 về việc báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo Quý IV và năm 2023. Nhiệm vụ năm 2024 của UBND xã Trà Tân  4. Bộ phận một cửa xã Trà Tân đã đi vào hoạt động từ năm 2020, do đó tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều đã được đưa vào tiếp nhận và giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa xã. "  5. Thông báo tiếp số: 62/TB-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc thông báo lịch tiếp công dân định kỳ, thuồng xuyên năm 2023 của UBND xã trà tân |
|  | 1. Tổ chức tiếp công dân | 3 |  |  |  |  |
| a) Có nội quy tiếp công dân | 0,5 |  |  |  |  |
| b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở | 0,5 |  |  |  |  |
| c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có) | 1 |  |  |  |  |
| d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân | 1 |  |  |  |  |
| 2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh  *Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100*  *(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)* | 2 |  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |  |
| 3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo  *Tỷ lệ %= (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100*  *(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)* | 2 |  |  |  |  |  |
| a) Đạt 100% | 2 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |  |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |  |  |  |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |  |  |  |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |  |
| e) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 2** | **Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính**  *Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100* | **7** |  |  |  |  | Số: .../BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND xã Trà Tân |
|  | a) Đạt 100% | 7 |  |  |  |  |  |
| b) Từ 95% đến dưới 100% | 6 |  |  |  |  |  |
| c) Từ 90% đến dưới 95% | 5 |  |  |  |  |  |
| d) Từ 85% đến dưới 90% | 4 |  |  |  |  |  |
| đ) Từ 80% đến dưới 85% | 3 |  |  |  |  |  |
| e) Từ 75% đến dưới 80% | 2 |  |  |  |  |  |
| g) Từ 70% đến dưới 75% | 1 |  |  |  |  |  |
| h) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |  |  |  |
| i) Dưới 50% | 0 |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 3** | **Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự** | **5** |  |  | **5** |  |  |
|  | a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 5 |  |  |  |  | Số: .../BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND xã Trà Tân |
| b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 0 |  |  |  |  |  |
| **Chỉ tiêu 4** | **Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội** | **6** |  |  | **6** |  |  |
|  | a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” | 6 |  |  |  |  | Số:2182/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 nâm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi |
| b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” | 0 |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG:** | | **100** |  |  | 96 |  |  |

***Ghi chú:***

(1) Cung cấp số liệu thể hiện kết quả đạt được của các nội dung chỉ tiêu.

Ví dụ 1: Chỉ tiêu 1, tiêu chí 1: Trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật trong tổng số 05 văn bản quy phạm pháp luật được giao, số liệu thực hiện ghi là 3/5.

Ví dụ 2: Nội dung 1, chỉ tiêu 2, tiêu chí 2: Trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã đã tiếp nhận, giải quyết đúng thời hạn 18 yêu cầu cung cấp thông tin trong tổng số 20 yêu cầu đủ điều kiện cung cấp thông tin, số liệu thực hiện ghi là 18/20.

Ví dụ 3: Chỉ tiêu 2, tiêu chí 5: Trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã đã giải quyết đúng quy định pháp luật 270 hồ sơ thủ tục hành chính trong tổng số 300 hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận, số liệu thực hiện ghi là 270/300.

(2) Cung cấp tỷ lệ đạt được của các nội dung chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ %.

Ví dụ: Chỉ tiêu 2, tiêu chí 5: Trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã đã giải quyết đúng quy định pháp luật 270 hồ sơ thủ tục hành chính trong tổng số 300 hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận, tỷ lệ đạt được ghi là 90% (tỷ lệ % = 270/300 x 100).

(3) Nếu tổng điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống số nguyên gần nhất, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên số nguyên gần nhất./.